TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp về "ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị L sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 9, xã HM, huyện HH, tỉnh NĐ; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn Nh sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị L trình bày:

Vào năm 2004, chị và anh Vũ Văn Nh tìm hiểu và yêu thương sau đó được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới. Anh chị đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG. Thời gian đầu, vợ chồng sinh sống vui vẻ hạnh phúc, đến đầu năm 2009 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Quá

trình chung sống anh chị có một người con chung tên là Vũ Lương Tấn L1 sinh ngày 29/7/2006, cháu L1 đang sống chung với anh Nh. Về tài sản, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn Nh. Về nuôi con, chị đồng ý giao cháu L1 cho anh Nh tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2023, bị đơn là anh Vũ Văn Nh trình bày:

Vào năm 2004, anh và chị Lương Thị L sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc và có một con chung là cháu Vũ Lương Tấn L1, sinh năm 2006. Đến đầu năm 2009 giữa anh, chị xảy ra nhiều sự việc cải vã, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không thể đi đến thống nhất. Gia đình không còn hạnh phúc, nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay.

Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị L. Về nuôi con, anh đồng ý nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2023, cháu Vũ Lương Tấn L1 trình bày có nguyện vọng được sống với cha khi cha, mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vũ Văn Nh và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh Nh với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị L, anh Nh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị

là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị L, anh Nh kết hôn vào năm 2004 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh Nh xác định vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2009. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Nh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị L. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh chị có một đứa con chung tên Vũ Lương Tấn L1 sinh ngày 29/7/2006, cháu L1 đang ở chung với anh Nh. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh Nh hiện nay cháu L1 đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Cháu L1 có nguyện vọng sống với cha khi cha, mẹ ly hôn. Chị L cũng đồng ý giao cháu L1 cho anh Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Đối chiếu với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) giao cháu L1 cho anh Nh tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lợi có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Chị L, anh Nh xác định anh, chị không có nợ chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, anh chị có phát sinh tranh chấp về tải sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn Nh.

2. Về nuôi con: Giao Vũ Lương Tấn L1 sinh ngày 29/7/2006 cho anh Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009985 ngày 11/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Cẩm Tú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hiệp Sơn;
- Lưu: hồ sơ.